

Số: /QĐ-TTYT

Phù Mỹ, ngày tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÙ MỸ

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về sự lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị Quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-TTYT ngày 25/4/2025 của Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế năm 2025;

Căn cứ Công văn số 293/TTYT-KSNK ngày 29/4/2025 của Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ về việc đề nghị đồng ý bảng dự toán chi tiết chi phí lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế huyện Phù;

Căn cứ Thông báo ngày 06/05/2025 của ông Đào Minh Hưng Về việc đồng ý ký kết thương thảo – hoàn thiện hợp đồng Gói thầu: Cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế năm 2025

Theo đề nghị của Phó trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính và Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tên dự toán cấp giấy phép môi trường: Cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế năm 2025.

2. Tên Gói thầu: Cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế năm 2025.

3. Tên đơn vị trúng thầu và giá trúng thầu

- Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật và Môi trường Trung Việt.

(Địa chỉ: Số 10/1 Lê Thánh Tôn, Phường Thị Nại, TP. Qui Nhơn, tỉnh Bình Định).

- Giá trúng thầu: **98.265.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi tám triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Gồm 06 nội dung (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

*** Ghi chú:** *Giá gói thầu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, thu nhập chịu thuế tính trước và các chi phí khác có liên quan...*

4. Nguồn vốn: Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế.

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày, kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

6. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 2. Giao Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng Tổ chức – Hành chính phối hợp với Phòng Tài chính kế toán căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo, theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Tài chính kế toán; Công ty trúng thầu và các khoa phòng, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo TTYT;
- Trang TTĐT TTYT huyện Phù Mỹ;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Lưu: VT, TCKT, TC-HC, KSNK.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Học

Phụ lục
DANH MỤC NỘI DUNG, THÔNG SỐ TRÚNG THẦU
Gói thầu: Cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế năm 2025
(Kèm Quyết định số /QĐ-TT YT ngày /5/2025 của TT YT huyện Phù Mỹ)

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	CHI PHÍ NHÂN CÔNG (CHI PHÍ TRỰC TIẾP)				38.520.676
I.1	Chi phí nhân công khảo sát điều tra, thực địa dự án				2.309.676
-	Khảo sát, điều tra thực tế khu vực dự án	Công	2	577.419	1.154.838
-	Thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu hiện trạng môi trường, KT-XH, điều kiện tự nhiên	Công	2	577.419	1.154.838
I.2	Biên tập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường				36.211.000
1	Chi phí nhân công viết báo cáo				25.865.000
a	Mô tả nội dung Dự án: Thông tin chung; Công suất, công nghệ, sản phẩm của Dự án; Nguyên nhiên vật liệu sử dụng, nhu cầu điện, nước của Dự án; Tiến độ thực hiện và tổ chức quản lý Dự án	Công	4	739.000	2.956.000
b	Đánh giá sự phù hợp của Dự án đầu tư với quy hoạch, khả năng chịu tải của môi trường	Công	4	739.000	2.956.000
c	Đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện Dự án	Công	4	739.000	2.956.000
d	Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình BVMT trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng Dự án	Công	6	739.000	4.434.000
e	Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình BVMT trong giai đoạn hoạt động dự án	Công	5	739.000	3.695.000
f	Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và đề xuất chương trình quan trắc môi trường của Dự án	Công	5	739.000	3.695.000
g	Thiết kế các sơ đồ, bản vẽ phục vụ lập báo cáo + Sơ đồ lấy mẫu hiện trạng môi trường + Sơ đồ giám sát môi trường	Công	7	739.000	5.173.000
2	Chi phí tổng kết hoàn thiện nội dung Giấy phép môi trường	Công	14	739.000	10.346.000
II	CHI PHÍ KHÁC				27.696.767
II.1	Chi phí phân tích mẫu				12.419.884

1	Mẫu không khí xung quanh: 01 vị trí x 03 lần/vị trí = 3 mẫu				
-	Bụi lơ lửng	Mẫu	3	259.610	778.830
-	CO	Mẫu	3	344.689	1.034.067
-	NO ₂	Mẫu	3	335.617	1.006.851
-	SO ₂	Mẫu	3	341.404	1.024.212
	Đo đặc mức ồn(dBA)	Mẫu	3	126.978	380.934
	<i>Nhân công lấy mẫu</i>	Công	3	522.191	1.566.574
2	Đo đặc và phân tích chất lượng nước mặt: 01 vị trí x 03 lần/vị trí = 3 mẫu				
-	pH	Mẫu	3	56.224	168.672
-	COD	Mẫu	3	231.757	695.271
-	BOD	Mẫu	3	215.716	647.148
-	Chất rắn lơ lửng (TSS)	Mẫu	3	159.752	479.256
-	Amoni (NH ₄ ⁺)	Mẫu	3	205.792	617.376
-	Photphat (PO ₄ ³⁻)	Mẫu	3	247.723	743.169
-	Coliform	Mẫu	3	570.317	1.710.951
	<i>Nhân công lấy mẫu</i>	Công	3	522.191	1.566.574
II.2	Chi phí vật liệu, năng lượng				4.500.000
-	In ấn nộp thẩm định	Tập	7	300.000	2.100.000
-	In ấn hoàn thiện sau thẩm định	Tập	8	300.000	2.400.000
II.3	Chi phí đưa Tổ thẩm định đến làm việc tại Dự án				2.776.882
-	Nhân công đưa Tổ thẩm định đến làm việc tại Dự án	Công	2	522.191	1.044.382
-	Chi phí làm việc của Tổ thẩm định	Người	7	247.500	1.732.500
II.4	Chi phí xe đi lại				8.000.000
-	Đi khảo sát lấy số liệu	Lần	1	1.600.000	1.600.000
-	Đi lấy mẫu và vận chuyển mẫu môi trường	Lần	3	1.600.000	4.800.000
-	Đưa Tổ thẩm định đến làm việc tại Dự án	Lần	1	1.600.000	1.600.000
III	Chi phí quản lý	%	55	38.520.676	21.186.372
IV	Thu nhập chịu thuế tính trước	%	6	59.707.047	3.582.423
V	Chi phí lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT				90.986.236
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	%	8		7.278.899
VI	Chi phí lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT				98.265.135
VII	Làm tròn				98.265.000

Bảng chữ: Chín mươi tám triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng./.